

SỔ TAY HƯỚNG DẪN CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI

TỔ CHỨC

CHƯƠNG II: CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC

1. MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH TÀI TRỢ, VIÊN TRỢ

Trường hợp 1: Du học sinh tự chuyển tiền cho chính mình hoặc mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài

Các chứng từ cần cung cấp

- Chứng từ chứng minh mục đích, nguồn và mức tài trợ
- Chứng từ chứng minh nguồn tiền (sao kê tài khoản, giấy báo có,...)
- Quyết định cử đi công tác
- Bản sao hộ chiếu của người được cử đi công tác
- VISA nhập cảnh (hoặc giấy tờ tương đương)
- Vé máy bay, vé tàu,... (trường hợp mang ngoại tệ)

Hạn mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

- Căn cứ trên giấy tờ Tổ chức xuất trình
- Trường hợp số tiền mang ngoại tệ tiền mặt với mức phải khai báo hải quan, các Đơn vị được phép cấp Giấy xác nhận mang ngoại tệ tiền mặt theo quy định

Trường hợp 2: Tài trợ, viên trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh (chỉ được phép chuyển ngoại tệ)

Các chứng từ cần cung cấp

- Chứng từ chứng minh mục đích, nguồn và mức tài trợ
- Văn bản về việc huy động, tiếp nhận đóng góp, thể hiện mục đích, đối tượng, thời điểm, cách thức, đồng tiền, thông tin tài khoản tiếp nhận đóng góp
- Danh sách các cá nhân/tổ chức đã đóng góp
- Giấy tờ chứng minh số tiền đã nhận được từ đóng góp

Hạn mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

- Căn cứ trên giấy tờ Tổ chức xuất trình

Trường hợp 3: Tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án (do tổ chức trong và/hoặc ngoài nước thành lập) để hỗ trợ phát triển văn hóa, giáo dục, y tế (chỉ được phép chuyển ngoại tệ)

Các chứng từ cần cung cấp

- Chứng từ chứng minh mục đích, nguồn và mức tài trợ
- Chứng từ chứng minh nguồn tiền (sao kê tài khoản, giấy báo có,...)
- Giấy cam kết chỉ mua, chuyển ngoại tệ duy nhất tại SAIGONBANK trong toàn bộ quá trình thực hiện tài trợ

Hạn mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

- Căn cứ trên giấy tờ Tổ chức xuất trình
 - Tối đa không vượt quá USD50,000 (hoặc ngoại tệ khác tương đương) cho một lần chuyển và không giới hạn số lần chuyển
-

2. MUA, CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU RA NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH KHÁC

Trường hợp 1: Trả thưởng cho người không cư trú là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài

Các chứng từ cần cung cấp

- Giấy phép, Quyết định tổ chức các chương trình, cuộc thi tổ chức tại Việt Nam
- Thẻ lệ tham gia các chương trình, cuộc thi tổ chức tại Việt Nam
- Thỏa thuận tiếp nhận nguồn tài trợ từ nước ngoài, Chứng từ chứng minh nhận nguồn tài trợ từ nước ngoài (trường hợp nguồn tiền trả thưởng từ nước ngoài)

Hạn mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

- Căn cứ trên giấy tờ Tổ chức xuất trình

Trường hợp 2: Phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài tham gia thực hiện dự án, đề tài nghiên cứu khoa học; hoàn trả tiền tài trợ thực hiện dự án ở Việt Nam

Các chứng từ cần cung cấp

- Thỏa thuận tiếp nhận nguồn tài trợ từ nước ngoài; Chứng từ chứng minh nhận nguồn tài trợ từ nước ngoài
- Quyết định hoàn trả tiền tài trợ các dự án ở Việt Nam theo thỏa thuận với nước ngoài (trường hợp hoàn trả tiền tài trợ)
- Giấy tờ, chứng từ chứng minh mục đích phân bổ tiền tài trợ cho các thành viên ở nước ngoài
- Quyết định phê duyệt mức phân bổ của người đại diện hợp pháp của Tổ chức

Hạn mức mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài

- Căn cứ trên giấy tờ Tổ chức xuất trình

CHƯƠNG III: CHUYỂN TIỀN CHO CÁC GIAO DỊCH VĂNG LAI KHÁC CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. THANH TOÁN, CHUYỂN TIỀN CHO HOẠT ĐỘNG TẠM NHẬP, TÁI XUẤT, TẠM XUẤT, TÁI NHẬP

Các hình thức tạm nhập, tái xuất

- Tạm nhập, tái xuất theo hình thức kinh doanh(*)
- Tạm nhập, tái xuất theo hợp đồng bảo hành, bảo dưỡng, thuê, mượn
- Tạm nhập, tái xuất để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài
- Tạm nhập, tái xuất hàng hóa để trưng bày, giới thiệu, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại
- Tạm nhập, tái xuất sản phẩm vì mục đích nhân đạo và mục đích khác

Các hình thức tạm xuất, tái nhập

- Tạm xuất, tái nhập để sản xuất, thi công, cho thuê, cho mượn hoặc để sử dụng vì mục đích khác
- Tạm xuất, tái nhập hàng hóa còn/không còn trong thời hạn bảo hành theo hợp đồng nhập khẩu hoặc theo hợp đồng, thỏa thuận bảo hành để phục vụ mục đích bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa
- Tạm xuất, tái nhập hàng hóa để tham gia hội chợ, triển lãm thương mại

Danh mục hồ sơ thanh toán hàng tạm nhập/tái nhập không theo hình thức kinh doanh

- Hợp đồng/Thỏa thuận tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập
- Giấy phép nhập khẩu/Văn bản cho phép nhập khẩu (trường hợp hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu theo qui định)
- Chứng từ thể hiện dịch vụ đã được cung cấp/hoàn thành (tờ khai hải quan tạm nhập, tờ khai hải quan tái xuất,...)
- Chứng từ vận tải tạm nhập, Chứng từ vận tải tái xuất,...
- Hóa đơn đòi tiền của nước ngoài
- Các chứng từ khác theo điều kiện của Hợp đồng/Thỏa thuận tạm nhập, tái xuất (nếu có)

Danh mục hồ sơ thanh toán hàng tạm nhập theo hình thức kinh doanh

Thanh toán tạm nhập khi khách hàng ĐÃ HOÀN THÀNH việc tái xuất lô hàng	Thanh toán tạm nhập khi khách hàng CHƯA HOÀN THÀNH việc tái xuất lô hàng
- Hợp đồng nhập khẩu - Hóa đơn thương mại theo hợp đồng nhập khẩu - Chứng từ vận tải - Tờ khai hải quan tạm nhập: - o Tờ khai hải quan tạm nhập thể hiện Mã loại hình là G11 (trường hợp chuyển tiền sau khi nhận hàng) - o Văn bản cam kết thời gian bổ sung tờ khai hải quan tạm nhập (trường hợp chuyển tiền trước khi có tờ khai hải quan tạm nhập)	

- Hợp đồng xuất khẩu - Văn bản cam kết hàng hóa không thuộc danh mục bị cấm kinh doanh tạm nhập tái xuất/tạm nhập tái xuất có điều kiện (trường hợp chuyển tiền trước khi có tờ khai hải quan tạm nhập)	
- Hóa đơn thương mại theo hợp đồng xuất khẩu - Chứng từ vận tải - Tờ khai hải quan tái xuất thể hiện Mã loại hình là G21 (dẫn chiếu số tờ khai tạm nhập tại chỉ tiêu “Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng” phía góc trái trên cùng của tờ khai hải quan tái xuất) - Điện SWIFT/Giấy báo có tiền về tài khoản tại SAIGONBANK	- Văn bản cam kết thực hiện giao dịch nhận tiền tái xuất về tài khoản tại SAIGONBANK - Văn bản cam kết bổ sung Hóa đơn thương mại; tờ khai hải quan tái xuất; Điện SWIFT/Giấy báo có tiền về tài khoản tại SAIGONBANK - Văn bản cam kết bổ sung chứng từ vận tải

(*): Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không được thực hiện hoạt động tạm nhập, tái xuất theo hình thức kinh doanh

2. THANH TOÁN VÀ CHUYỂN TIỀN CHO HOẠT ĐỘNG KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

Các hoạt động khác có liên quan đến mua bán hàng hóa quốc tế

- Hoạt động quá cảnh
- Hoạt động đại lý mua, bán hàng hóa và thuê thương nhân nước ngoài làm đại lý bán hàng tại nước ngoài
- Hoạt động nhận gia công hàng hóa cho thương nhân nước ngoài và đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài
- Hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài
- Các hoạt động khác có liên quan đến mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định pháp luật về thương mại

Các chứng từ cần cung cấp

- Hợp đồng/Thỏa thuận đại lý/Gia công
- Hóa đơn/Biên lai
- Chứng từ thể hiện hàng hóa đã nhận/dịch vụ đã thực hiện (trường hợp chuyển tiền sau khi cung cấp hàng hóa/dịch vụ)

3. CÁC GIAO DỊCH VẮNG LAI KHÁC

Trường hợp 1: Mục đích thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, các khoản chi trả bảo hiểm xã hội

- Giấy chứng nhận/Sổ bảo hiểm xã hội
- Thông báo thu phí/quyết định chi trả của bảo hiểm xã hội
- Giấy tờ chứng minh là người có liên quan

Trường hợp 2: Mục đích thanh toán, chuyển tiền theo quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc trọng tài/quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

- Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về án phí/phí bồi thường (nếu có)
- Bản án/Quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền
- Giấy tờ chứng minh đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự

Trường hợp 3: Mục đích thanh toán các khoản tiền phạt, bồi thường do làm hư hỏng tài sản, gây thương tích mà chưa được bảo hiểm chi trả

- Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về tiền phạt/tiền bồi thường
- Giấy tờ chứng minh đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự

Trường hợp 4: Mục đích thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng phí bảo hiểm, tái, nhượng tái, môi giới, phụ trợ bảo hiểm hoặc chi trả bồi thường, quyền lợi bảo hiểm

Đóng phí bảo hiểm, tái, nhượng tái bảo hiểm

- Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm gốc do doanh nghiệp bảo hiểm phát hành cho người mua bảo hiểm
- Hợp đồng/Giấy chứng nhận tái và/hoặc nhượng tái bảo hiểm do doanh nghiệp tái bảo hiểm phát hành cho doanh nghiệp bảo hiểm
- Văn bản xác nhận về việc Bên tái bảo hiểm đáp ứng đầy đủ các điều kiện của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm ở nước ngoài
- Thông báo thu phí (nếu có)

Chi trả bồi thường, quyền lợi bảo hiểm

- Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm
- Toàn bộ hồ sơ khiếu nại/đòi bồi thường và chứng từ thể hiện việc chấp nhận bồi thường tổn thất

Đóng phí môi giới bảo hiểm, phụ trợ bảo hiểm

- Hợp đồng dịch vụ môi giới/phụ trợ bảo hiểm (quy định rõ mức phí môi giới)
- Hóa đơn/Biên lai do đơn vị môi giới/phụ trợ bảo hiểm phát hành
- Chứng từ thể hiện dịch vụ đã thực hiện (nếu chuyển tiền sau khi cung cấp dịch vụ)

CHƯƠNG V: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA DỊCH VỤ VÀ CÁC GIAO DỊCH VẮNG LAI KHÁC

1. THANH TOÁN TIỀN NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Các bên liên quan trong giao dịch

- Bên Mua/Bên nhập khẩu là người cư trú (tổ chức/cá nhân)
- Bên Bán/Bên xuất khẩu là người không cư trú (tổ chức/cá nhân) hoặc người cư trú là cá nhân nước ngoài
- Bên thứ ba là bên giao hàng/nhà sản xuất/cung cấp hàng hóa/bên thụ hưởng... (nếu có)

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán khi nhận hàng

- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, có thể được thể hiện dưới các hình thức:
 - o Hợp đồng mua bán (Sales Contract/Agreement)
 - o Hóa đơn báo giá (Quotations)
 - o Đơn đặt hàng (Purchase Order)
 - o Hóa đơn tạm tính (Proforma Invoice)
- Hóa đơn
- Chứng từ vận tải: Bill of lading/Airwaybill/Courier receipt/...
- Tờ khai thông quan hàng hóa
- Bản chụp màn hình báo cáo trên Trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có xác nhận của Bên đi vay (nếu cần)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán ứng trước

- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa/Hóa đơn/...

**Lưu ý: theo dõi thời hạn bổ sung bộ chứng từ nhập khẩu mà khách hàng đã khai báo trên lệnh chuyển tiền*

Trường hợp 3: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán cho bên thứ ba

- Các chứng từ nêu tại một trong hai trường hợp trên, và
- Chứng từ chứng minh mối quan hệ giữa bên thứ ba và bên bán/bên xuất khẩu:
 - o Chứng từ thể hiện bên thứ ba là nhà sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa, bên giao hàng
 - o Chứng từ thể hiện bên thứ ba và bên bán có quan hệ trực thuộc/phụ thuộc như Công ty mẹ - Công ty con, chi nhánh của Công ty...
 - o Thỏa thuận/xác nhận giữa bên thứ ba và bên bán về việc cản trừ công nợ
 - o Văn bản chỉ định bên thứ ba là đại lý phân phối hàng hóa/ủy quyền cho bên thứ ba làm đại diện nhận các khoản thanh toán/...

2. THANH TOÁN TIỀN MUA HÀNG CHUYỂN KHẨU

Trường hợp 1: hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam

- Hợp đồng mua hàng; Hóa đơn mua hàng
- Hợp đồng bán hàng; Hóa đơn bán hàng
- Chứng từ vận tải của Hợp đồng bán hàng
- Giấy báo có chứng minh đã nhận tiền về theo Hợp đồng bán hàng vào tài khoản tại SAIGONBANK (trường hợp chuyển tiền mua hàng sau khi đã nhận tiền về theo Hợp đồng bán hàng)
- Văn bản cam kết về việc thực hiện giao dịch thu tiền về theo Hợp đồng bán hàng vào tài khoản tại SAIGONBANK (Trường hợp chuyển tiền mua hàng trước khi nhận được tiền về theo Hợp đồng bán hàng)

Trường hợp 2: hàng hóa được vận chuyển từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu có qua cửa khẩu Việt Nam và đưa vào kho ngoại quan

- Hợp đồng mua hàng; Hóa đơn mua hàng
- Hợp đồng bán hàng; Hóa đơn bán hàng
- Chứng từ vận tải của Hợp đồng mua hàng
- Chứng từ vận tải của Hợp đồng bán hàng
- Tờ khai hàng hóa xuất/nhập kho ngoại quan kèm bản Thông tin phê duyệt khai báo vận chuyển (có xác nhận của cơ quan hải quan) hoặc Biên bản bàn giao/Giấy tờ chứng minh hàng hóa đã được bàn giao và được cập nhật trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan
- Giấy báo có tiền về theo Hợp đồng bán hàng vào tài khoản tại SAIGONBANK (trường hợp chuyển tiền mua hàng sau khi đã nhận tiền về theo Hợp đồng bán hàng)
- Văn bản cam kết về việc thực hiện giao dịch thu tiền về theo Hợp đồng bán hàng vào tài khoản tại SAIGONBANK (Trường hợp chuyển tiền mua hàng trước khi nhận được tiền về theo Hợp đồng bán hàng)

Lưu ý: doanh nghiệp Việt Nam có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện kinh doanh hàng hóa chuyển khẩu

3. THANH TOÁN BIÊN MẪU

3 loại ngoại tệ thanh toán biên mậu: CNY, KHR và LAK

Các chứng từ cần cung cấp

- Hợp đồng xuất nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ, có thể được thể hiện dưới các hình thức:
 - o Hợp đồng mua bán (Sales contract/ Agreement) hoặc Hợp đồng dịch vụ (Service Contract)
 - o Hóa đơn báo giá (Quotations)
 - o Đơn đặt hàng (Purchase Order)
 - o Hóa đơn tạm tính (Proforma Invoice)
 - Hợp đồng dịch vụ (Service Contract)
 - Hóa đơn
 - Chứng từ thể hiện dịch vụ đã được cung cấp/hoàn thành theo đúng yêu cầu của Hợp đồng dịch vụ (trường hợp thanh toán phí dịch vụ)
 - Chứng từ vận tải đường bộ; Tờ khai thông quan hàng hóa (trường hợp thanh toán tiền mua hàng)
-

4. THANH TOÁN PHÍ GIA CÔNG KHI ĐẶT GIA CÔNG HÀNG HÓA Ở NƯỚC NGOÀI

Đối tượng liên quan

- Bên đặt gia công: Thương nhân Việt Nam
- Bên nhận gia công: Thương nhân nước ngoài

Nguyên tắc

- Được tạm xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư hoặc chuyển khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư từ nước thứ ba cho bên nhận gia công để thực hiện hợp đồng gia công
- Được tái nhập khẩu sản phẩm đã gia công. Khi kết thúc hợp đồng gia công, được tái nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa
- Được bán sản phẩm gia công và máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư đã xuất khẩu để thực hiện hợp đồng gia công tại nước nhận gia công hoặc thị trường khác và phải nộp thuế theo quy định hiện hành
- Được cử chuyên gia, công nhân kỹ thuật ra nước ngoài để kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm gia công

Các chứng từ cần cung cấp

- Hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng (nếu có)
- Hóa đơn thể hiện đơn giá gia công
- Biên bản/thông báo thanh lý/quyết toán hợp đồng gia công

- Một trong ba loại chứng từ sau:
 - o (1) Trường hợp bên đặt gia công tái nhập khẩu sản phẩm đã gia công khi kết thúc hợp đồng:
 - Bảng tổng hợp sản phẩm gia công nhập khẩu, tờ khai hải quan nhập khẩu
 - o (2) Trường hợp bên đặt gia công bán sản phẩm gia công tại nước nhận gia công hoặc thị trường khác:
 - Văn bản cam kết của bên đặt gia công về việc nguồn tiền xuất khẩu sản phẩm gia công sẽ về tài khoản của bên đặt gia công mở tại SAIGONBANK
 - o (3) Trường hợp chuyển tiền thanh toán hợp đồng gia công sau khi bên đặt gia công bán sản phẩm tại nước nhận gia công/thị trường khác:
 - Giấy báo có tiền về vào tài khoản của bên đặt gia công tại SAIGONBANK/văn bản xác nhận báo có của ngân hàng khác
 - Một trong hai loại chứng từ sau:
 - o Bảng tổng hợp nguyên liệu xuất khẩu, tờ khai hải quan xuất khẩu (trường hợp bên đặt gia công xuất khẩu nguyên liệu, phụ liệu cho bên nhận gia công ở nước ngoài)
 - o Bộ chứng từ mua nguyên liệu, phụ liệu ở nước ngoài để sản xuất sản phẩm gia công đã nhập khẩu (nếu có) bao gồm: Hợp đồng, Hóa đơn, Chứng từ giao hàng
 - Chứng từ chứng minh bên đặt gia công đã thanh toán tiền mua nguyên liệu, phụ liệu (trường hợp bên đặt gia công chuyển khẩu nguyên liệu, phụ liệu, vật tư từ nước thứ ba cho bên nhận gia công)
-

5. CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT – NHẬP KHẨU DỊCH VỤ

Các bên liên quan trong giao dịch

- Bên Mua/Bên nhập khẩu là người cư trú (tổ chức/cá nhân)
- Bên Bán/Bên xuất khẩu là người không cư trú (tổ chức/cá nhân) hoặc người cư trú là cá nhân nước ngoài
- Bên thứ ba là bên giao hàng/nhà sản xuất/cung cấp hàng hóa/bên thụ hưởng... (nếu có)

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán cước vận tải cho hãng vận tải

- Hợp đồng vận tải hàng hóa
- Hóa đơn đòi tiền của hãng vận tải.
- Chứng từ thể hiện dịch vụ đã được cung cấp/hoàn thành theo đúng yêu cầu của hợp đồng (Chứng từ vận tải)
- Hợp đồng ngoại thương/tờ khai hải quan/... thể hiện:
 - o Giá hàng hóa không bao gồm cước vận tải (điều khoản nhóm E và F) trong trường hợp người chuyển là người nhập khẩu

- Giá hàng hóa đã bao gồm cước vận tải (điều khoản nhóm C và D) trong trường hợp người chuyển là người xuất khẩu

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi Công ty vận tải trong nước chuyển tiền phí vận tải (sau khi bù trừ) cho các Công ty vận tải nước ngoài với tư cách đại lý của nhau

- Hợp đồng/Chỉ định đại lý vận tải
- Hóa đơn/Phiếu báo nợ (Debit note)/... của Hãng vận tải liệt kê số hiệu của các chứng từ vận tải liên quan
- Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành (Chứng từ vận tải/Bảng kê chi tiết số hiệu của các chứng từ vận tải liên quan)

Trường hợp 3: các chứng từ yêu cầu khi doanh nghiệp xuất khẩu chuyển tiền phí hoa hồng, môi giới theo các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa

- Hợp đồng (Hợp đồng dịch vụ môi giới/Các văn bản có giá trị pháp lý tương đương)
- Hóa đơn/Phiếu báo nợ (Debit note) của Bên môi giới (trường hợp Hợp đồng không quy định cụ thể số tiền phí/cách tính phí)
- Chứng từ thể hiện dịch vụ môi giới đã hoàn thành:
 - Tờ khai hải quan xuất khẩu
 - Hóa đơn xuất khẩu
 - Giấy báo có (nếu cần)
- Các chứng từ khác theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng

Trường hợp 4: các chứng từ yêu cầu khi doanh nghiệp dịch vụ chuyển tiền phí hoa hồng môi giới xuất khẩu lao động

- Giấy phép xuất khẩu lao động do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cấp
- Hợp đồng dịch vụ môi giới xuất khẩu lao động (quy định rõ mức phí môi giới)
- Hóa đơn của Bên môi giới
- Bảng kê chi tiết thông tin người lao động được xuất khẩu
- Hồ sơ xuất cảnh của người lao động được xuất khẩu:
- Hộ chiếu có dấu nhập cảnh hoặc Hộ chiếu + vé máy bay liên quan (trường hợp được miễn VISA nhập cảnh)
- Hộ chiếu kèm VISA nhập cảnh của người lao động được xuất khẩu có hiệu lực phù hợp với thời gian lao động

Trường hợp 5: các chứng từ yêu cầu khi Công ty du lịch trong nước chuyển tiền mua tour du lịch cho Công ty du lịch nước ngoài

- Hợp đồng cung cấp tour du lịch
- Hóa đơn đòi tiền của Công ty du lịch nước ngoài
- Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành:
 - o Lịch trình tour du lịch (nếu có)
 - o Thông tin người tham gia tour du lịch (có thể là một trong hai loại chứng từ sau):
 - Bảng kê chi tiết thông tin đoàn khách tham gia tour du lịch
 - Hồ sơ xuất cảnh của khách/đoàn khách tham gia tour du lịch (Hộ chiếu kèm VISA nhập cảnh phù hợp với thời gian thực hiện tour du lịch/Hộ chiếu có dấu nhập cảnh hoặc Hộ chiếu + vé máy bay liên quan tour du lịch trong trường hợp được miễn VISA nhập cảnh)

Trường hợp 6: các chứng từ yêu cầu đối với chuyển tiền hoàn trả, bồi thường liên quan đến xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ

- Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ
 - Hóa đơn xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ
 - Tờ khai hải quan xuất khẩu (đối với hàng hóa) hoặc chứng từ chứng minh dịch vụ đã được thực hiện (đối với dịch vụ)
 - Chứng từ chứng minh đã nhận tiền thanh toán cho hợp đồng xuất khẩu hàng hóa/dịch vụ (Giấy báo có/Sao kê tài khoản,...)
 - Văn bản thỏa thuận về nội dung hoàn trả, bồi thường liên quan đến hàng hóa/dịch vụ
-

6. CHUYỂN TIỀN MUA BÁN BẢN QUYỀN HOẶC NHẬN NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán tiền mua bán bản quyền (bán bản quyền phát sóng phim; phát hành sách; quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm,...)

- Hợp đồng mua bán bản quyền
- Hóa đơn
- Chứng từ chứng minh bản quyền/quyền sở hữu sản phẩm của bên bán (nếu có)
- Giấy phép/Văn bản phê duyệt nội dung văn hóa phẩm để nhập khẩu (tùy theo quy định cụ thể của loại hình văn hóa phẩm)
- Chứng từ chứng minh việc mua bán bản quyền được thực hiện theo các điều kiện quy định trong hợp đồng (Biên bản/Xác nhận về việc chuyển giao bản quyền,...)
- Chứng từ khác theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng mua bán bản quyền (nếu có)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán hợp đồng chuyển giao công nghệ

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ
- Hóa đơn
- Giấy xác nhận của doanh nghiệp về một phần/toàn bộ công nghệ đã được chuyển giao
- Quyết định phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ của cơ quan Nhà nước/Xác nhận đăng ký chuyển giao công nghệ của Bộ Khoa học và công nghệ

Trường hợp 3: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán tiền mua quyền sử dụng phần mềm

- Giấy tờ pháp lý/Giấy phép nhập khẩu phần mềm (nếu phần mềm thuộc đối tượng phải xin giấy phép)
- Hợp đồng mua quyền sử dụng phần mềm
- Hóa đơn yêu cầu thanh toán

Trường hợp 4: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán các khoản liên quan đến việc đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký bản quyền ứng dụng với bằng phát minh, sáng chế, dịch vụ tư vấn

- Hợp đồng có liên quan
- Hóa đơn
- Văn bản phê duyệt/xác nhận đăng ký của cơ quan thẩm quyền (nếu pháp luật có quy định)
- Các giấy tờ khác theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng (nếu có)

Trường hợp 5: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán tiền nhận nhượng quyền thương mại

- Hợp đồng nhượng quyền thương mại
- Hóa đơn thương mại
- Văn bản đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại do Cơ quan có thẩm quyền cấp
- Chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo các điều kiện của bên nhượng quyền đã được thực hiện
- Các chứng từ khác theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng nhượng quyền thương mại (nếu có)

7. CHUYỂN TIỀN THANH TOÁN PHÍ QUẢNG CÁO

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu đối với thanh toán tiền quảng cáo ở nước ngoài

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ (nếu có)
- Hóa đơn đòi tiền
- Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi doanh nghiệp có chức năng kinh doanh dịch vụ quảng cáo thanh toán phí quảng cáo trên trang thông tin điện tử của Tổ chức nước ngoài

- Hợp đồng/Thỏa thuận cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến giữa doanh nghiệp và Tổ chức nước ngoài
- Hóa đơn đòi tiền của Tổ chức nước ngoài thể hiện số phí dịch vụ quảng cáo trực tuyến phát sinh trong kỳ
- Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thể hiện doanh nghiệp có chức năng kinh doanh dịch vụ quảng cáo
- Bảng kê chi tiết hóa đơn giá trị gia tăng nêu rõ tên cá nhân/tổ chức sử dụng dịch vụ quảng cáo của Tổ chức nước ngoài, trong đó nêu rõ số hiệu từng hóa đơn giá trị gia tăng

8. CHUYỂN TIỀN PHỤC VỤ CHO VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN Ở NƯỚC NGOÀI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi doanh nghiệp Việt Nam chuyển tiền vào tài khoản của văn phòng đại diện ở nước ngoài

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
- Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho phép mở tài khoản của văn phòng đại diện ở nước ngoài
- Bảng dự trù chi phí hoặc các chứng từ chứng minh chi phí liên quan đến việc thành lập và hoạt động của văn phòng đại diện (trường hợp giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có mức tiền được phép chuyển)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi doanh nghiệp Việt Nam chuyển tiền vào tài khoản của bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện
- Hợp đồng/Thỏa thuận về việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho văn phòng đại diện ở nước ngoài
- Hóa đơn do bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát hành
- Biên bản giao nhận hàng hóa/Biên bản nghiệm thu dịch vụ đã cung cấp cho văn phòng đại diện ở nước ngoài

9. CHUYỂN TIỀN THỰC HIỆN DỰ ÁN THẦU TẠI VIỆT NAM

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi chủ đầu tư/nhà thầu chính chuyển tiền cho nhà thầu/nhà thầu phụ đối với phần chi phí nước ngoài liên quan đến việc thực hiện gói thầu

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu/giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ
- Hóa đơn phát hành bởi nhà thầu/nhà thầu phụ
- Chứng từ chứng minh các chi phí nước ngoài liên quan đến việc thực hiện gói thầu: tờ khai hải quan (trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài), hoặc chứng từ chứng minh dịch vụ đã được thực hiện (trường hợp nhập khẩu dịch vụ từ nước ngoài)
- Các chứng từ khác quy định tại điều khoản thanh toán trong Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ (nếu có)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi văn phòng điều hành của nhà thầu nước ngoài chuyển tiền ra nước ngoài cho nhà thầu nước ngoài với số tiền còn lại sau khi kết thúc dự án

- Văn bản thanh lý hợp đồng thầu
- Thông báo của nhà thầu nước ngoài gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về việc kết thúc hợp đồng

10. CHUYỂN TIỀN CHO NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC

Đối với trường hợp này, chỉ cần yêu cầu khách hàng cung cấp giấy tờ chứng minh nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam theo quy định quản lý ngoại hối

CHƯƠNG VII: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

**Mọi giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đều phải được thực hiện thông qua tài khoản chuyên dùng đầu tư gián tiếp ra nước ngoài mở tại SAIGONBANK*

1. CHUYỂN TIỀN MUA CỔ PHIẾU THƯỜNG PHÁT HÀNH Ở NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu (Hiện diện thương mại tại Việt Nam của Tổ chức nước ngoài)

Bên nhận

- Tổ chức nước ngoài có chương trình thưởng cổ phiếu

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Tài liệu mô tả nội dung chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài cho người lao động có quốc tịch Việt Nam
 - Văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đăng ký thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài
 - Chứng từ chứng minh việc người lao động có quốc tịch Việt Nam thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình
-

2. CHUYỂN VỐN TỪ TÀI KHOẢN TỰ DOANH ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức tự doanh

Bên nhận

- Tổ chức phát hành công cụ đầu tư

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép Tổ chức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
 - Văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Tổ chức tự doanh đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
 - Chứng từ chứng minh các khoản chuyển tiền để mua các công cụ đầu tư được phép/các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động tự doanh
-

3. CHUYỂN TIỀN NHẬN ỦY THÁC ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức nhận ủy thác

Bên nhận

- Tổ chức phát hành công cụ đầu tư

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng/Thỏa thuận hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương về việc ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài giữa Tổ chức ủy thác và Tổ chức nhận ủy thác
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Tổ chức nhận ủy thác do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp
- Văn bản xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Chứng từ chứng minh các khoản chuyển tiền để mua các công cụ đầu tư được phép/các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động ủy thác

CHƯƠNG VIII: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

**Lưu ý các loại tài khoản được sử dụng để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tại SAIGONBANK trong từng mục đích*

1. CHUYỂN TIỀN ĐÃ CHUYỂN VÀO VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NHƯNG KHÔNG SỬ DỤNG HẾT HOẶC KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHẤP NHẬN ĐẦU TƯ

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi nhà đầu tư nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền

- Chứng từ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển tiền vào tài khoản thanh toán ngoại tệ/VND tại SAIGONBANK
- Chứng từ chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp pháp liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam
- Một trong hai loại chứng từ sau:
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không sử dụng hết)
 - Thông báo từ chối của cơ quan đăng ký đầu tư (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không được Cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đầu tư)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền

- Hợp đồng/Thỏa thuận giữa nhà đầu tư nước ngoài và bên cung cấp Việt Nam về việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài
 - Thỏa thuận giữa các bên liên quan về việc hoàn trả số tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư
 - Chứng từ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển tiền thanh toán cho bên cung cấp Việt Nam theo hợp đồng/thỏa thuận cung cấp hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư
 - Chứng từ chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp pháp liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài
 - Một trong hai loại chứng từ sau:
 - o Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không sử dụng hết)
 - o Thông báo từ chối của cơ quan đăng ký đầu tư (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không được Cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đầu tư)
-

2. CHUYỂN LỢI NHUẬN VÀ NGUỒN THU HỢP PHÁP RA NƯỚC NGOÀI

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt BCC – trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức Hợp đồng BBC)
 - Giấy tờ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam – một trong các chứng từ sau:
 - o Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
 - o Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành
 - o Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
 - o Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại kỳ gần nhất với thời điểm chuyển tiền thể hiện lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dương (sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo qui định)
 - Chứng từ chứng minh lợi nhuận và/hoặc thu nhập hợp pháp được phân chia từ hoạt động đầu tư nước ngoài (trừ trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là Công ty TNHH một thành viên) - một trong các chứng từ sau:
 - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên về việc phân chia lợi nhuận
 - Nghị quyết của Ban điều phối dự án về việc phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên tham gia Hợp đồng BBC
 - Thông báo chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gửi cơ quan thuế ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước khi thực hiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài
-

3. CHUYỂN GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN HOẶC PHẦN VỐN GÓP CHO BÊN CHUYỂN NHƯỢNG Ở NƯỚC NGOÀI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi bên chuyển là Bên nhận chuyển nhượng

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp
- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng là thành viên/cổ đông trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài kèm các văn bản điều chỉnh (nếu có), nêu rõ tỷ lệ vốn góp/cổ phần của bên chuyển nhượng
- Chứng từ chứng minh/Văn bản cam kết thời hạn bổ sung chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng đã thực hiện xong việc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp cho bên nhận chuyển nhượng

- Các chứng từ theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi bên chuyển nhượng là nhà đầu tư nước ngoài chuyển nguồn thu từ chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp

- Đối với trường hợp chuyển tiền từ tài khoản đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ hoặc VND của nhà đầu tư: Không yêu cầu cung cấp hồ sơ
-

4. CHUYỂN GIẢM VỐN ĐẦU TƯ

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng BCC giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC)
 - Chứng từ chứng minh mức vốn đầu tư ban đầu của dự án đầu tư
 - Chứng từ chứng minh mức vốn của dự án đầu tư sau khi được điều chỉnh giảm (ví dụ: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh,...)
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ
 - Văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng (nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở tài khoản trước đây) về các giao dịch chuyển giảm vốn đầu tư đã phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, đảm bảo số vốn chuyển giảm không vượt mức giảm được phê duyệt (trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi tài khoản đầu tư trực tiếp từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)
-

5. CHUYỂN TRẢ VỐN ĐẦU TƯ KHI HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỊ CHẤM DỨT HOẶC KẾT THÚC

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng BCC giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp cho nhà đầu tư) và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cấp cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) kèm các văn bản điều chỉnh (nếu có), nêu rõ tên dự án đầu tư, số vốn góp của nhà đầu tư

- Quyết định giải thể/chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc Quyết định kết thúc/thanh lý/chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động đầu tư
- Chứng từ chứng minh doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng BCC hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hoặc giải thể doanh nghiệp:
 - o Thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC gửi cơ quan đăng ký đầu tư
 - o Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
 - o Thông báo của cơ quan đăng ký doanh nghiệp về việc giải thể của doanh nghiệp
- Văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng (nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở tài khoản trước đây) về các giao dịch chuyển trả vốn đầu tư đã phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, đảm bảo số tiền chuyển trả không vượt mức được phép chuyển trả (trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi tài khoản đầu tư trực tiếp từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)

CHƯƠNG IX: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

CHUYỂN VỐN, LỢI NHUẬN VÀ CÁC NGUỒN THU HỢP PHÁP KHÁC TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP TẠI VIỆT NAM

- Đối với trường hợp chuyển tiền từ tài khoản đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư: Không yêu cầu hồ sơ giao dịch

CHƯƠNG X: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

**Lưu ý các loại tài khoản được sử dụng để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tại SAIGONBANK trong từng mục đích*

1. CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Hạn mức chuyển

- Không quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và không vượt quá USD300.000 USD, được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài

Đối tượng chuyển

- Nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:
 - o Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức khác thực hiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam
 - o Tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng
 - o Cá nhân mang quốc tịch Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp)

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng/Văn bản có giá trị pháp lý tương đương giữa nhà đầu tư với bên nước ngoài cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan đến hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài
 - Hóa đơn do bên nước ngoài phát hành đòi tiền nhà đầu tư
 - Quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư hoặc của Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp (nếu nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước)
 - Các cam kết của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung:
 - o Không chuyển vượt quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài
 - o Bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
 - o Bổ sung Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nêu rõ số ngoại tệ đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp (một trong các loại giấy tờ sau):
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc
 - Văn bản xác nhận về việc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư, hoặc
 - Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền về việc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư
-

2. CHUYỂN NGOẠI TÊ RA NƯỚC NGOÀI SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn vào tài khoản ở nước ngoài của Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập hoặc tham gia đầu tư

- Hợp đồng liên doanh/Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Văn bản thành lập chi nhánh/Văn bản quy định vốn điều lệ của công ty ở nước ngoài là 100% vốn của doanh nghiệp Việt Nam (nếu có)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch liên quan đến việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết chuyển không vượt mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài có tên doanh nghiệp vốn đầu tư từ Việt Nam

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn dưới hình thức cho vay trung, dài hạn vào tài khoản ở nước ngoài của Tổ chức kinh tế nước ngoài do nhà đầu tư thành lập hoặc tham gia đầu tư

- Hợp đồng liên doanh/Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Văn bản thành lập chi nhánh/Văn bản quy định vốn điều lệ của công ty ở nước ngoài là 100% vốn của doanh nghiệp Việt Nam (nếu có)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch liên quan đến việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết chuyển không vượt mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)
- Văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Trường hợp 3: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn vào tài khoản của Bên chuyển nhượng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý Tổ chức kinh tế đó

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng là thành viên/cổ đông của Tổ chức kinh tế ở nước ngoài nêu rõ tỷ lệ vốn góp/cổ phần của bên chuyển nhượng

- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư
- Các chứng từ theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (nếu có)
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch phát sinh liên quan đến chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết không chuyển vượt mức vốn đầu tư đã đăng ký (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)